

PHỤ LỤC I: TỔNG NGUỒN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN 11

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 28/5/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (KH 60/KH - UBND ngày 12/2/2025)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	4.602.572,849	4.558.008,836	(44.564,013)	
I	Nguồn vốn đầu tư công thành phố và tiền sử dụng đất	1.473.404,046	1.428.840,033	(44.564,013)	
1	Nguồn vốn đầu tư công thành phố	973.911,0	973.911,0	-	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất được điều tiết ngân sách huyện và xây dựng hạ tầng đầu giá QSD đất	499.493,046	454.929,033	(44.564,013)	
II	Nguồn vốn xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới nâng cao	3.129.168,803	3.129.168,803	-	
1	Nguồn vốn xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu	3.109.168,803	3.109.168,803	-	
2	Nguồn vốn xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao	20.000,000	20.000,000	-	

PHỤ LỤC II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (ĐIỀU CHỈNH , BỔ SUNG LẦN 11)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ - HĐND ngày 28/5/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6=5-4
	TỔNG CỘNG (A+B)				3.784.482,423	3.784.482,423	233.936,472	4.602.572,849	4.558.008,836	(44.564,013)
A	VỐN THÀNH PHỐ HỖ TRỢ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH HUYỆN				1.635.029,213	1.635.029,213	127.936,472	1.473.404,046	1.428.840,033	(44.564,013)
A1	CÁC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025				272.351,422	272.351,422	115.547,060	155.706,027	155.706,027	-
I	Công trình, dự án khởi công năm 2019 (đã hoàn thành thi công, quyết toán)				87.297,668	87.297,668	54.979,064	31.490,170	31.490,170	-
1	Cải tạo nâng cấp đường 17B huyện Vĩnh Bảo (đoạn từ Trường THPT Cộng Hiền đến thôn Cống Hiền xã Cộng Hiền)	2019	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 2214/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	13.523,886	13.523,886	8.200	5.175,886	5.175,886	-
2	Cải tạo, nâng cấp đường 17B: Đoạn từ đường quốc lộ 37 đến cổng làng Hội Am xã Cao Minh	2019	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4409/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	14.232,541	14.232,541	8.710	5.155,883	5.155,883	-
3	Cải tạo, nâng cấp đường 17B huyện Vĩnh Bảo (đoạn từ cổng làng Hội Am xã Cao Minh đến thôn Cống Hiền, xã Cộng Hiền)	2019	UBND xã Cao Minh	Số 4596/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	4.074,296	4.074,296	2.200	1.874,296	1.874,296	-
4	Xây dựng nhà lớp học 2 phòng, 1 tầng khu Đan Điền; XD cổng, tường rào, nhà bảo vệ, san lấp và các công trình phụ trợ Trường mầm non trung tâm xã Dũng Tiến	2019	UBND xã Dũng Tiến	Số 4397/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	5.614,262	5.614,262	2.700	2.850,0	2.850,0	-
5	Xây dựng Nhà điều trị cán bộ Nội 4-Bệnh viện đa khoa Vĩnh Bảo	2019	Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo	Số 207/QĐ-UBND ngày 18/01/2021	4.448,408	4.448,408	4.150	230,0	230,0	-
6	Xây dựng, cải tạo nhà làm việc và các công trình phụ trợ trụ sở UBND xã Tam Đa	2019	UBND xã Tam Đa	Số 2416/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	4.462,383	4.462,383	2.050	2.300,0	2.300,0	-
7	Xây dựng 4 phòng học, phụ trợ Trường mầm non trung tâm xã An Hòa	2019	UBND xã An Hòa	Số 1058/QĐ-UBND ngày 31/3/2020	4.601,346	4.601,346	3.409,064	1.192,282	1.192,282	-
8	Xây dựng phòng học chức năng, hiệu bộ, phụ trợ Trường THCS Cộng Hiền	2019	UBND xã Cộng Hiền	Số 4387/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	6.931,643	6.931,643	4.710	2.221,643	2.221,643	-
9	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học, phụ trợ Trường THPT Vĩnh Bảo	2019	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 2029/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	4.334,921	4.334,921	3.100	1.200,0	1.200,0	-
10	Xây dựng nhà làm việc 3 tầng và các công trình phụ trợ UBND Thị trấn Vĩnh Bảo	2019	UBND thị trấn VB	Số 2417/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	9.343,822	9.343,822	6.300	3.043,822	3.043,822	-
11	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học A1 và phụ trợ Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	2019	Trung tâm BDCT huyện	Số 2025/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	6.177,302	6.177,302	4.050	2.127,302	2.127,302	-
12	Xây dựng 3 phòng học chức năng và công trình phụ trợ (vệ sinh học sinh, nhà xe HS...) trường THPT Nguyễn Khuyến	2019	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Số 2467/QĐ-UBND ngày 30/6/2020	4.619,056	4.619,056	2.800	1.819,056	1.819,056	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
13	Xây dựng nhà hiệu bộ, phụ trợ trường THCS Thắng Thủy - Vĩnh Long	2019	UBND xã Thắng Thủy	Số 3007/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	4.933,802	4.933,802	2.600	2.300,0	2.300,0	-
II	Công trình dự án khởi công năm 2020.				185.053,754	185.053,754	60.567,996	124.215,857	124.215,857	-
a	Các công trình do huyện quyết định đầu tư				114.032,430	114.032,430	37.122,996	76.909,434	76.909,434	-
1	Xây dựng cầu An Quý - xã Cộng Hiền	2020	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 2380/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	12.487,075	12.487,075	3.039,996	9.447,079	9.447,079	-
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Vĩnh Tiến (từ QL 37 đi đê quốc gia)	2020	UBND xã Vĩnh Tiến	Số 2874/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	6.536,825	6.536,825	1.730	4.806,825	4.806,825	-
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Liên Am (đoạn từ cầu Hậu Đông đi đê quốc gia)	2020	UBND xã Liên Am	Số 5388/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	5.825,202	5.825,202	1.530	4.295,202	4.295,202	-
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Trung Lập (đoạn từ Cống Tiền đi đê trại Cung Chúc)	2020	UBND xã Trung Lập	Số 2026/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	5.633,960	5.633,960	1.530	4.103,960	4.103,960	-
5	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Trăn Dương (đoạn Trăn Dương- Hòa Bình; đoạn từ đường 17A đến đê quốc gia)	2020	UBND xã Trăn Dương	Số 759/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	6.607,623	6.607,623	1.730	4.877,623	4.877,623	-
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Cổ Am (đường Xóm 1 đi đê quốc gia)	2020	UBND xã Cổ Am	Số 581/QĐ-UBND ngày 08/3/2021	6.317,958	6.317,958	1.730	4.587,958	4.587,958	-
7	Xây dựng cầu Nam Am - xã Tam Cường	2020	UBND xã Tam Cường	Số 2875/QĐ-UBND ngày 22/7/2021	6.294,582	6.294,582	1.730	4.564,582	4.564,582	-
8	Xây dựng cầu Cúc Phố qua kênh Chanh Dương	2020	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 681/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	14.940,102	14.940,102	6.170	8.770,102	8.770,102	-
9	Xây dựng 2 phòng chức năng; Cải tạo nhà lớp học, các phòng chức năng, sân tập trường THPT Cộng Hiền.	2020	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 1382/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	6.987,538	6.987,538	1.730	5.257,538	5.257,538	-
10	Xây dựng, nâng cấp hệ thống chiếu sáng đô thị - Thị trấn Vĩnh Bảo	2020	UBND Thị trấn Vĩnh Bảo	Số 1327/QĐ-UBND ngày 02/4/2021	4.426,436	4.426,436	2.530	1.896,436	1.896,436	-
11	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, phụ trợ (phần mở rộng) trường mầm non xã Tân Liên	2020	UBND xã Tân Liên	Số 4683/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	6.830,415	6.830,415	1.730	5.100,415	5.100,415	-
12	Xây dựng nhà lớp học trường mầm non 20/8 (phần mở rộng)	2020	UBND Thị trấn Vĩnh Bảo	Số 6594/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	6.789,900	6.789,900	1.730	5.059,900	5.059,900	-
13	Xây dựng nhà làm việc +bộ phận 1 cửa UBND xã Hòa Bình	2020	UBND xã Hòa Bình	Số 758/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	4.807,113	4.807,113	1.730	3.077,113	3.077,113	-
14	Xây dựng các phòng chức năng; cải tạo nhà lớp học và phụ trợ trường THCS Liên Am - Lý Học (điểm trường xã Lý Học)	2020	UBND xã Lý Học	Số 4407/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	5.884,839	5.884,839	1.530	4.354,839	4.354,839	-
15	Xây dựng nhà làm việc + phụ trợ UBND xã An Hòa	2020	UBND xã An Hòa	Số 542/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	4.824,880	4.824,880	1.430	3.394,880	3.394,880	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
16	Xây dựng một số hạng mục phụ trợ Trường THPT Tô Hiệu, huyện Vĩnh Bảo	2020	Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Vĩnh Bảo	Số 2022/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	3.688,270	3.688,270	2.010	1.678,270	1.678,270	-
17	Xây dựng nhà truyền thống cách mạng huyện Vĩnh Bảo	2020	UBND xã Cổ Am	Số 6422/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	5.149,712	5.149,712	3.513	1.636,712	1.636,712	-
b	Công trình đạt tiêu chí huyện nông thôn mới				71.021,324	71.021,324	23.445,000	47.306,423	47.306,423	-
1	Cải tạo, nâng cấp đường 17B đoạn từ ngã 3 Quán Cháy xã đến ngã 4 thị tứ Cộng Hiền.	2020	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4298/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	63.701,423	63.701,423	18.395	45.306,423	45.306,423	-
2	Công trình Cải tạo nâng cấp Khoa truyền nhiễm- BV đa khoa Vĩnh Bảo	2020	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 2138/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	7.319,901	7.319,901	5.050	2.000,0	2.000,0	-
A2	CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025				1.362.677,791	1.362.677,791	12.389,412	1.317.698,019	1.273.134,006	(44.564,013)
I	Công trình khởi công năm 2021				442.669,177	442.669,177	12.389,412	420.562,546	408.125,533	(12.437,013)
1	Kế hoạch vốn phân bổ cho các công trình khởi công mới 2021				348.415,221	348.415,221	3.183,655	345.788,940	345.788,940	-
1.1	Công trình do thành phố QĐ đầu tư, hoặc chỉ đạo, ủy quyền cho huyện QĐ đầu tư, Công trình đạt tiêu chí huyện nông thôn mới				269.020,484	269.020,484	170,000	269.407,858	269.407,858	-
a	Công trình do thành phố QĐ đầu tư, hoặc ủy quyền cho huyện QĐ đầu tư				211.856,626	211.856,626	-	208.479,827	208.479,827	-
1	Cải tạo mặt đê kết hợp làm đường giao thông đoạn đê hữu sông Thái Bình (từ xã Tân Liên đến cầu Hàn) - Vốn GPMB	2021	UBND huyện Vĩnh Bảo	Số 3706/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	4.948	4.948		4.948	4.948	-
2	Xây dựng cầu Lô Đông xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4447/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	165.908,626	165.908,626	-	165.908,626	165.908,626	-
3	Xây dựng Căn cứ hậu phương khu vực phòng thủ huyện Vĩnh Bảo (Hạng mục: Hầm trung tâm chỉ huy)	2021	Ban Chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Bảo	Số 01/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	41.000	41.000	-	37.623	37.623	-
b	Công trình đạt tiêu chí huyện nông thôn mới				57.163,858	57.163,858	170,0	56.993,858	56.993,858	-
1	Dự án xây dựng Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	số 4210/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	43.217,784	43.217,784	100	43.117,784	43.117,784	-
2	Công trình Cải tạo nâng cấp Khoa Sản-Nhi- BV đa khoa Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 1867/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	13.946,074	13.946,074	70	13.876	13.876	-
c	Công trình xã Tân Liên đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu							3.934,173	3.934,173	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
1.2	Các công trình do huyện quyết định đầu tư				79.394,737	79.394,737	3.013,655	76.381,082	76.381,082	-
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Bảo thành Trụ sở tiếp công dân	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3961/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	2.361,368	2.361,368	100,0	2.261,368	2.261,368	-
2	Xây dựng cầu cong Bích Động xã Liên Am	2021	UBND xã Liên Am	Số 5096/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	8.365,211	8.365,211	350,0	8.015,211	8.015,211	-
3	Xây dựng Nhà lưu niệm Danh y Đào Công Chính xã Cao Minh	2021	UBND xã Cao Minh	Số 3270/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	14.353,473	14.353,473	500,0	13.853,473	13.853,473	-
4	Đầu tư xây dựng cầu Chợ, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3036/QĐ-UBND ngày27/6/2023	13.626,981	13.626,981	300,0	13.326,981	13.326,981	-
5	Công trình: Xây dựng cầu Việt Trung, huyện Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3040/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	14.915,930	14.915,930	500,0	14.415,930	14.415,930	-
6	Cải tạo vỉa hè các tuyến đường trung tâm thị trấn Vĩnh Bảo,	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3959/QĐ-UBND ngày 23/9/2022	12.827,497	12.827,497	966,655	11.860,842	11.860,842	-
7	Cải tạo, nâng cấp đường từ quốc lộ 10 đến quốc lộ 37 (đoạn từ cầu Tây đến cầu đồng Găng, thị trấn Vĩnh Bảo)	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	số 3273/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	9.689,397	9.689,397	297,0	9.392,397	9.392,397	-
8	Quy hoạch sử dụng đất 2021-2030		Phòng Tài nguyên và Môi trường	Số 3038/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	3.254,880	3.254,880		3.254,880	3.254,880	-
2	Kinh phí GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng, đấu giá QSD đất (khởi công năm 2021,2022)				94.253,956	94.253,956	9.205,757	74.773,606	62.336,593	(12.437,013)
	a/ Các công trình đã thông qua năm 2020				30.317,916	30.317,916	500	21.147,916	12.649,903	(8.498,013)
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Khu dân cư Hoà Bình, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 2129 ngày 28/5/2021	6.000	6.000	90	-	-	-
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Xứ đồng Cánh Bông, Khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 2130 ngày 28/5/2021	2.800	2.800	40	-	-	-
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Xứ đồng Rộc La, Khu dân cư Bắc Hải (giai đoạn1), thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 3157 ngày 02/7/2024	5.616,306	5.616,306	80	5.536,306	5.536,306	-
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Quán Khái, xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4433/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	3.515,813	3.515,813	50	3.465,813	3.465,813	-
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Gáo, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ số 5167 ngày 22/12/2022	1.051,842	1.051,842	30	1.021,842	1.021,842	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Lô Đông, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 7863 ngày 29/12/2023	676,154	676,154	20	656,154	656,154	-
7	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Hà Phương, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 1026 ngày 12/3/2021	3.606,315	3.606,315	50	3.556,315	92,000	(3.464)
8	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Nghĩa Lý, xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 1025 ngày 12/3/2021	5.248,698	5.248,698	90	5.158,698	125,000	(5.034)
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn An Quý, xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ số 4434 ngày 03/11/2022	618,851	618,851	30	588,9	588,9	-
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Hậu Đông, xã Liên Am, huyện Vĩnh Bảo	2021	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4440/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	1.183,937	1.183,937	20	1.163,937	1.163,937	-
	b/ Các công trình bổ sung thêm năm 2021, 2022				63.936,040	63.936,040	8.705,757	53.625,690	49.686,690	-3.939,000
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 1, xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 6675/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	616,916	616,916	344,299	272,617	272,617	-
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Chanh Chử, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4119/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	148,690	148,690	29,836	118,854	118,854	-
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Đông Lôi, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4118/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	319,024	319,024	54,582	264,442	264,442	-
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Hà Phương, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4120/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	758,516	758,516	110,513	648,003	648,003	-
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Thanh Khê, xã Thanh Lương, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 6680/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3.000,007	3.000,007	1.393,034	1.606,973	1.606,973	-
6	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 5, xã Việt Tiến, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 6650/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	1.245,723	1.245,723	625,450	620,273	620,273	-
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Nam Tạ, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4045/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	1.393,386	1.393,386	96,350	1.297,036	1.297,036	-
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Gia Phong, xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4404/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	1.090,165	1.090,165	99,908	990,257	990,257	-
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Thiết Tranh, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4106/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	1.597,735	1.597,735	691,304	906,431	906,431	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kê hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
10	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại xứ đồng Rộc Đồng, thôn Xuân Hùng, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4105/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	442,708	442,708	83,414	359,294	359,294	-
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại ao tập thể, thôn Xuân Hùng, xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4104/QĐ-UBND ngày 30/9/2022	397,305	397,305	53,673	343,632	343,632	-
12	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Chanh Dưới, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4043/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	1.270,750	1.270,750	372,833	897,917	897,917	-
13	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Lễ Hợp, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4041/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	939,785	939,785	85,185	854,600	854,600	-
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Cửa ông Đình, thôn Chanh Dưới, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4042/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	935,347	935,347	159,499	775,848	775,848	-
15	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại xứ đồng Cửa Miếu, thôn Tạ Ngoại 2, xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 6674/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	2.066,314	2.066,314	1.057,771	1.008,543	1.008,543	-
16	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Lôi Trạch, xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 6654/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3.397,788	3.397,788	1.593,913	1.803,875	1.803,875	-
17	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 8, xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 6673/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3.163,108	3.163,108	1.854,193	1.308,915	1.308,915	-
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo (giai đoạn 2)	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 1013/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	11.700,0	11.700,0		10.095,407	10.095,407	-
19	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại khu phố Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 5196/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	3.305,897	3.305,897		3.305,897	3.305,897	-
20	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Thái Hoà, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo	2021-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 1015/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	1.471,0	1.471,0		1.471,0	-	(1.471)
21	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Từ Lâm 2, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo	2021-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 1016/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	2.468,0	2.468,0		2.468,0	-	(2.468)
22	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Nhân Mục, xã Nhân Hoà, huyện Vĩnh Bảo	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 7031/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	10.372,967	10.372,967		10.372,967	10.372,967	-
23	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 6, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	2021	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 5091/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	3.820,88	3.820,88		3.820,9	3.820,9	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kê hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
24	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 4, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo	2021-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 5045/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	5.253,716	5.253,716		5.253,716	5.253,716	-
25	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích sản xuất phi nông nghiệp (tiểu thủ công nghiệp, làng nghề) tại xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 5068/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	2.760,3	2.760,3		2.760,3	2.760,3	-
II	Công trình khởi công năm 2022				81.388,037	81.388,037	-	78.698,757	78.698,757	-
	1. Công trình do thành phố QĐ đầu tư, hoặc chỉ đạo, ủy quyền cho huyện QĐ đầu tư				16.609,809	16.609,809	-	16.609,809	16.609,809	-
	Công trình trụ sở công an xã (Khởi công năm 2022)				16.609,809	16.609,809	-	16.609,809	16.609,809	-
1.1	Nhà làm việc Công an xã và các đoàn thể xã Đồng Minh	2022	UBND xã Đồng Minh	Số 1078/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	2.481,202	2.481,202		2.481,202	2.481,202	-
1.2	Nhà làm việc Công an xã và các đoàn thể xã Hưng Nhân	2022	UBND xã Hưng Nhân	Số 1079/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	3.472,065	3.472,065		3.472,065	3.472,065	-
1.3	Nhà làm việc Công an xã và các đoàn thể xã Lý Học	2022	UBND xã Lý Học	Số 3732/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	3.328,029	3.328,029		3.328,029	3.328,029	-
1.4	Nhà làm việc Công an xã và các đoàn thể xã Tam Đa	2022	UBND xã Tam Đa	Số 3917/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	2.986,127	2.986,127		2.986,127	2.986,127	-
1.5	Nhà làm việc Công an xã và các đoàn thể xã Việt Tiến	2022	UBND xã Việt Tiến	Số 3269/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	2.896,225	2.896,225		2.896,225	2.896,225	-
1.6	Cải tạo, nâng cấp Trạm công an Nam Am, xã Tam Cường	2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 2731/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	1.446,161	1.446,161		1.446,161	1.446,161	-
	2. Công trình do huyện quyết định đầu tư				64.778,228	64.778,228	-	62.088,948	62.088,948	-
2.1	Xây dựng công trình phụ trợ Trường Mầm non 20/8	2022	UBND thị trấn Vĩnh Bảo	Số 4993/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	3.900,954	3.900,954		3.900,954	3.900,954	-
2.2	Xây dựng phòng học Trường Mầm non xã Giang Biên	2022	UBND xã Giang Biên	Số 5067/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	6.366,771	6.366,771		6.366,771	6.366,771	-
2.3	Nhà lớp học 4 phòng 2 tầng Mầm non Thắng Thủy	2022	UBND xã Thắng Thủy	Số 2004/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	4.514,556	4.514,556		4.514,556	4.514,556	-
2.4	Mở rộng diện tích, xây dựng phòng học chức năng, xây dựng bếp ăn, công trình phụ trợ trường Mầm non Đồng Minh	2022	UBND xã Đồng Minh	Số 6613/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	10.063,639	10.063,639		8.693,029	8.693,029	-
2.5	Xây dựng phòng học, phòng chức năng Trường THCS xã Cộng Hiền	2022	UBND xã Cộng Hiền	Số 6726/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	8.013,120	8.013,120		8.013,120	8.013,120	-
2.6	Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và xây mới 4 phòng học trường THCS xã Tiền Phong-Vĩnh Phong	2022	UBND xã Tiền Phong	Số 2784/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	9.809,703	9.809,703		9.809,703	9.809,703	-
2.7	Mở rộng sân tập, xây tường bao trường THPT Tô Hiệu	2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 2397/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	5.334,230	5.334,230		4.015,560	4.015,560	-
2.8	Xây dựng nhà thể thao đa năng trường THCS Tam Cường	2022	UBND xã Tam Cường	Số 2356/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	9.598,656	9.598,656		9.598,656	9.598,656	-
2.9	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Vĩnh Phong	2022	UBND xã Vĩnh Phong	Số 7480/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	7.176,599	7.176,599		7.176,599	7.176,599	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
III	Công trình khởi công năm 2023				355.975,3	355.975,3	-	398.796,586	366.554,586	(32.242,000)
	1. Công trình do thành phố chỉ đạo, ủy quyền cho huyện quyết định đầu tư				196.032	196.032	-	233.531,536	233.531,536	
1,1	Trụ sở công an xã giai đoạn 2023-2025				6.221	6.221		6.221	6.221	-
	Nhà làm việc Công an xã và các đoàn thể xã Dũng Tiến	2023-2025	UBND xã Dũng Tiến	QĐ số 3788/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	3.281,45	3.281,45		3.281,450	3.281,450	-
	Nhà làm việc Công an xã và các đoàn thể xã Cao Minh	2023-2025	UBND xã Cao Minh	QĐ số 2350/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	2.939,895	2.939,895		2.939,895	2.939,895	-
	Vốn chưa phân bổ cho các công trình Trụ sở công an xã giai đoạn 2023-2025							-	-	-
1.2	Xây dựng đoạn đường nối từ cụm công nghiệp Giang Biên xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo đến Quốc lộ 10	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 579/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	152.980	152.980		137.980,000	137.980,000	-
1.3	Xây dựng nhà lớp học, chức năng và các công trình phụ trợ trường THPT Vĩnh Bảo	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ số 5048/NQ-HĐND ngày 04/10/2024	28.638,233	28.638,233		28.638,233	28.638,233	-
1.4	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 3 tầng trường THPT Vĩnh Bảo	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ số 6876/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	6.949,287	6.949,287		6.949,287	6.949,287	-
1.5	Mua sắm, lắp đặt thiết bị phục vụ triển khai kỳ họp số (kỳ họp không giấy tờ) Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo	2023	Văn phòng HĐND và UBND huyện	QĐ số 7389/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	1.242,671	1.242,671		1.242,671	1.242,671	-
1.6	Dự án xây dựng nhà làm việc Trụ sở HĐND và UBND huyện Vĩnh Bảo	2023-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 83/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	176.616	176.616		43.000,000	43.000,000	-
1.7	Dự án chuyển đổi số huyện Vĩnh Bảo	2023-2025		NQ số 82/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	9.500	9.500		9.500	9.500	-
	2. Công trình do huyện quyết định đầu tư				79.228,7	79.228,7	-	84.731,811	84.731,811	-
2.1	Xây dựng cầu đường Găng, Thị trấn Vĩnh Bảo	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ số 4477/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	6.095,631	6.095,631		6.095,631	6.095,631	-
2.2	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Tiên Phong - Vĩnh Phong (điểm trường Vĩnh Phong)	2023-2025	UBND xã Vĩnh Phong	QĐ số 3942/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	10.750,439	10.750,439		10.750,439	10.750,439	-
2.3	Xây dựng trụ sở UBND xã Vĩnh An	2023-2025	UBND xã Vĩnh An	Số 5680/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	14.207,274	14.207,274		14.207,274	14.207,274	-
2.4	Xây dựng trụ sở UBND xã Trấn Dương	2023-2025	UBND xã Trấn Dương	Số 28/NQ-HĐND ngày 30/5/2022	14.980	14.980		13.088,589	13.088,589	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kê hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
2.5	Cải tạo, nâng cấp Nhà thi đấu đa năng huyện Vĩnh Bảo	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ số 3731/QĐ-UBND ngày 18/7/2024	13.348,978	13.348,978		13.348,978	13.348,978	-
2.6	Xây dựng công Cụm dân cư kinh tế mới xã Vĩnh An.	2023-2025	UBND xã Vĩnh An	QĐ số 4797/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	2.378,748	2.378,748		2.378,748	2.378,748	-
2.7	Lắp đặt hệ thống đèn trang trí và chiếu sang tại thị trấn Vĩnh Bảo.	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ số 6882/QĐ-UBND ngày 16/12/2023	4.933,684	4.933,684		4.933,684	4.933,684	-
2.8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo.	2023-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 7030/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	5.991,719	5.991,719		5.991,719	5.991,719	-
2.9	Xây dựng nhà làm việc UBND xã Liên Am	2023-2025	UBND xã Liên Am	QĐ số 4476/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	6.542,255	6.542,255		6.542,255	6.542,255	-
2.10	Nâng cấp, cải tạo bãi rác Lôi ngoài xã Hoà Bình thành bãi chôn lấp hợp vệ sinh	2023-2025		NQ số 84/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	5.000	5.000		4.409,409	4.409,409	-
2.11	Nâng cấp, cải tạo bãi rác Gia Phong, xã Tân Hưng thành bãi chôn lấp hợp vệ sinh	2023-2025		QĐ số 6725/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	3.210,012	3.210,012		2.985,085	2.985,085	-
	3- Kinh phí GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn, đô thị mới				80.715	80.715	-	80.533	48.291	(32.242)
1	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 5, xã Cổ Am	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	7.540	7.540		7.540	7.540	-
2	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 3, xã Lý Học	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	1.310	1.310		1.310	73	(1.237)
3	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 1, xã Lý Học	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	12.050	12.050		12.050	277	(11.773)
4	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Đồng Tâm, xã Trần Dương	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 24/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	2.320	2.320		2.320	2.320	-
5	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 7, xã Cao Minh	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 25/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	720	720		720	54	(666)
6	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Tân Bảo, xã Cao Minh	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 26/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	7.860	7.860		7.860	7.860	-
7	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Cổ Đằng, xã Tân Liên	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 27/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	2.560	2.560		2.560	2.560	-
8	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Hải, xã Tân Liên	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	5.670	5.670		5.670	5.670	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
9	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Linh Đông, xã Tiền Phong	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 29/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	3.990	3.990		3.990	3.990	-
10	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Tạ 1 và thôn Phương Tường, xã Hùng Tiến	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	9.240	9.240		9.240	186	(9.054)
11	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại Cụm 7, thôn Gia Phong, xã Tân Hưng	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	1.250	1.250		1.250	63	(1.187)
12	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 8, xã Tân Hưng	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	2.740	2.740		2.740	2.740	-
13	Dự án chỉnh trang đô thị tại Khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 4966/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	14.990	14.990		14.808,239	14.808,239	-
14	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Nam Hà xã Tân Liên	2023-2025	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 11/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	6.815	6.815		6.815	100	(6.715)
15	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Tạ, xã Hùng Tiến	2023-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	1.660	1.660		1.660	50	(1.610)
IV	Công trình khởi công năm 2024 -2025				482.645	482.645		379.466,291	379.581,291	115,000
	1. Công trình do huyện quyết định đầu tư				295.261	295.261	0	257.466	251.346	-6.120
1	Xây dựng một số hạng mục nhà lưu niệm Danh y Đào Công Chính	2024-2025	UBND xã Cao Minh	NQ số 61/NQ-HĐND ngày 30/8/2023	1.220	1.220		1.220	1.220	-
2	Giải phóng mặt bằng và xây dựng công, tường bao trường tiểu học Giang Biên	2024-2025	UBND xã Giang Biên	NQ số 60/NQ-HĐND ngày 30/8/2023	14.950	14.950		14.950	14.950	-
3	San lấp mặt bằng diện tích mở rộng trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	2024-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 57/NQ-HĐND ngày 30/8/2023	14.850	14.850		14.850	14.850	-
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Vĩnh Bảo (đoạn qua các khu dân cư Lam Sơn, Bình Minh)	2024-2025	UBND Thị trấn Vĩnh Bảo	NQ số 58/NQ-HĐND ngày 30/8/2023	5.100	5.100		5.100	5.100	-
5	Cải tạo, nâng cấp đường nghĩa trang nhân dân Đồng Sến, thị trấn Vĩnh Bảo	2024-2025	UBND Thị trấn Vĩnh Bảo	NQ số 62/NQ-HĐND ngày 30/8/2023	7.700	7.700		7.700	7.700	-
6	Xây dựng nghĩa trang nhân dân tại xứ đồng Con Nhạn thôn Nhân Mục, xã Nhân Hòa	2024-2025	UBND xã Nhân Hoà	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 30/8/2023	10.500	10.500		-	-	-
7	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo	2024-2025	UBND xã Vĩnh Phong	QĐ số 5679/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	2.010,802	2.010,802		2.010,802	2.010,802	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
8	Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Liên (từ nhà ông Mỹ đến ngã tư Nội Đơn) và đường liên thôn Kim Lâu - Nội Đơn - An Ngoại (từ ngã tư Nội Đơn đến hết nhà ông Bắc)	2024-2026	UBND xã Tân Liên	NQ số 03NQ-HĐND ngày 12/6/2024	4.199	4.199		4.199	4.199	-
9	công trình: Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Bình Khiêm (đoạn từ Trường Mầm non thị trấn Vĩnh Bảo đến Quốc lộ 37)	2024-2026	UBND Thị trấn Vĩnh Bảo	NQ số 04NQ-HĐND ngày 12/6/2024	8.900	8.900		8.900	8.900	-
10	Công trình: Xây dựng tường bao, sân, rãnh nước, cống hộp và cống phụ khu dãy nhà 3 tầng Trường Tiểu học Tân Hưng	2024-2026	UBND xã Tân Hưng	NQ số 05NQ-HĐND ngày 12/6/2024	1.900	1.900		1.900	1.900	-
11	Công trình xây dựng trường Mầm non thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 12/6/2024	4.321	4.321		-	-	-
12	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Vĩnh Bảo	2024-2026	UBND thị trấn Vĩnh Bảo	NQ số 42/NQ-HĐND ngày 16/8/2024	9.811	9.811		9.811,000	9.811,000	-
13	Xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Dũng Tiến	2024-2025	UBND xã Dũng Tiến	NQ số 41/NQ-HĐND ngày 16/8/2024	8.000	8.000		6.500	6.500	-
14	Xây dựng khu cây xanh kết hợp với bãi đỗ xe trung tâm huyện Vĩnh Bảo	2024-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 50/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	14.682,000	14.682		14.682,000	14.682,000	-
15	Cải tạo, nâng cấp sân vận động trung tâm huyện Vĩnh Bảo	2024-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 51/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	14.454,000	14.454		14.454,000	14.454,000	-
16	Cải tạo, nâng cấp các công trình phụ trợ Nhà thi đấu Thể dục Thể thao huyện Vĩnh Bảo	2024-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 52/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	14.858,000	14.858		14.858	14.858	-
17	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đường 17B huyện Vĩnh Bảo (đoạn từ Km 1+220 đến Km 3+640)	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 53/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	35.500,000	35.500		15.500	15.500	-
18	Xây dựng nhà đa năng và các công trình phụ trợ Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 54/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	11.456,000	11.456		11.456,000	11.456,000	-
19	Xây dựng nhà lớp học chức năng 3 tầng 9 phòng và các công trình phụ trợ Trường Tiểu học thị trấn Vĩnh Bảo	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 55/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	14.950,000	14.950		14.950	14.950	-
20	Xây dựng hạ tầng sân tập các trường học xã Thắng Thủy	2024-2025	UBND xã Thắng Thủy	Số 56/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	5.290,000	5.290		5.290	5.290	-
21	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Vĩnh An	Năm 2024-2026	UBND xã Vĩnh An	Số 57/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	3.216,000	3.216		3.216	3.216	-
22	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Trần Dương	2024-2025	UBND xã Trần Dương	Số 58/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	1.800,000	1.800		85	1.800	1.715

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kê hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
23	Cải tạo, nâng cấp một số đảo giao thông trên địa bàn thị trấn Vĩnh Bảo và cải tạo, nâng cấp via hè Quốc lộ 10 đoạn từ cầu Tây đến đường vào Cụm công nghiệp Tân Liên	2024-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 59/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	13.462,000	13.462		13.462	13.462	-
24	Chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Vĩnh Bảo và tại xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	2024-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 60/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	7.224,000	7.224		7.224	7.224	-
25	Cải tạo, nâng cấp Bộ phận Một cửa tại trụ sở UBND thị trấn và trụ sở UBND các xã sau sáp nhập trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo		Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 74/NQ - HĐND ngày 17/12/2024	7.100,000	7.100		1.600	-	(1.600)
26	Xây dựng thí điểm mô hình lớp học thông minh trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo		Trung tâm PTQĐ và QLDA	QĐ số 2629/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	6.328,000	6.328		6.320	6.320	-
27	Cải tạo, nâng cấp một số công trình giao thông, trường học tại xã Thắng Thủy, Trung Lập, Thị trấn Vĩnh Bảo	2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	16.291,750	16.291,750	-	15.700,000	16.162,000	462
28	Cải tạo, nâng cấp một số công trình giao thông, trường học tại xã Dũng Tiến, Giang Biên, Việt Tiến, Vĩnh An, Tân Liên	2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	QĐ số 2471/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	15.550,822	15.550,822	-	15.700,000	15.364,000	(336)
29	Cải tạo, nâng cấp một số công trình giao thông, trường học tại xã Vĩnh Hưng, Vĩnh Hải, Tân Hưng, Vĩnh Hòa, Hùng Tiến	2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	QĐ số 2472/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	7.037,821	7.037,821	-	10.800,000	6.987,000	(3.813)
30	Cải tạo, nâng cấp một số công trình giao thông, trường học tại xã Tiền Phong,Trần Dương, Hòa Bình, Tam Cường, Lý Học, Cao Minh	2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	QĐ số 2473/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	12.599,118	12.599,118	-	15.028,489	12.480,000	(2.548)
	2. Kinh phí GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn, đô thị mới				187.384	187.384		122.000	128.235	6.235
	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Nhân Mục, xã Nhân Hoà (giáp Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Bảo)	2024-2025		NQ số 64/NQ-HĐND ngày 30/8/2023	187.384	187.384		122.000	128.235	6.235
V	Hoàn trả vốn ứng trước Ngân sách Trung ương							820	820	-
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo	2010-2011	UBND huyện	Số 5700/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	15.192	15.192		220	220	-
2	Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn xã Vĩnh Long và xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo	2010-2011	UBND huyện	Số 5701/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	23.572	23.572		350	350	-
3	Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn xã Hiệp Hòa và xã Hòa Bình, huyện Vĩnh Bảo	2010-2011	UBND huyện	Số 5702/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	18.486	18.486		250	250	-
VI	Vốn chưa phân bổ cho các công trình giai đoạn 2023-2025							39.353,839	39.353,839	-
1	Kinh phí GPMB, đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn, đô thị mới							39.353,839	39.353,839	-
2	Vốn chuẩn bị đầu tư các công trình khởi công mới							-	-	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kê hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm	
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số					Trong đó: NSH
B	VỐN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU (29 xã)				2.149.453	2.149.453	106.000	3.129.168,8030	3.129.168,8030	-
I	XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU				2.149.453	2.149.453	106.000	3.109.168,8	3.109.168,8	-
1	Các công trình nông thôn mới kiểu mẫu xã Tân Liên	2021			191.704	191.704	106.000	71.270,0000	71.270,0000	-
2	Công trình NTM kiểu mẫu của 9 xã triển khai năm 2022-2023				998.472	998.472	-	981.952	981.952	-
	1-Các công trình nông thôn mới kiểu mẫu xã Tam Đa				116.082,493	116.082,493	-	111.450,1860	111.450,1860	-
	1.1- Cải tạo, nâng cấp đường trung tâm xã Tam Đa đến đường huyện (Đoạn từ trạm y tế xã đến đường cầu Đàng và lắp đặt điện chiếu sáng đoạn từ cầu Đàng đến giáp xã Nhân Hòa)	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3948/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	12.812,818	12.812,818		12.812,818	12.812,818	-
	1.2- Cải tạo, nâng cấp đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn xã Tam Đa (Từ Trạm y tế xã - cầu ông Tính thôn Đông đến sân thể thao thôn Chanh Trên)	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3928/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	13.256,076	13.256,076		13.256,076	13.256,076	-
	1.3- Cải tạo, nâng cấp đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn xã Tam Đa (Đoạn từ cầu trước nhà ông Dũng thôn Đông đến nhà văn hóa thôn Độ)	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3922/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	8.676,443	8.676,443		8.676,443	8.676,443	-
	1.4-Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Hoa Đàm xã Tam Đa (đoạn từ nhà ông Ngừng đến trạm y tế xã)	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3943/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	9.820,024	9.820,024		9.820,024	9.820,024	-
	1.5-Cải tạo nâng cấp đường trục thôn Tràng xã Tam Đa (Đoạn từ nhà ông Ủy đến miếu đến cầu ông Tính thôn Đông)	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3921/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	5.461,132	5.461,132		5.461,132	5.461,132	-
	1.6-Dự án các công trình nông thôn mới kiểu mẫu xã Tam Đa khởi công năm 2022	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 1863/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	66.056	66.056		61.423,693	61.423,693	-
	2-Các công trình nông thôn mới kiểu mẫu xã Hoà Bình				121.280,004	121.280,004	-	116.911,238	116.911,238	-
	2.1-Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường từ cầu Hàn đến cầu Chiến Lược	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3803/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	5.501,088	5.501,088		5.501,088	5.501,088	-
	2.2-Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường 354 đến cầu Trạm Xá xã Hòa Bình	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3894/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	7.523,513	7.523,513		7.523,513	7.523,513	-
	2.3-Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Trạm Xá đến cống ông Chí xã Hòa Bình	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3818/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	4.419,745	4.419,745		4.419,745	4.419,745	-
	2.4-Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cống Bến thôn 6 đến cầu Trạm Xá xã Hòa Bình	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3889/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	5.166,815	5.166,815		5.166,815	5.166,815	-
	2.5-Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cống Bến thôn 6 đến cống ông Biều thôn 7 xã Hòa Bình	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3890/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	7.450,887	7.450,887		7.450,887	7.450,887	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kê hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
	2.6-Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cổng ông Biều thôn 7 đến nhà ông Xanh thôn 10 xã Hòa Bình	2021-2022	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 3908/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	13.428,457	13.428,457		13.428,457	13.428,457	-
	2.7-Dự án các công trình nông thôn mới kiểu mẫu xã Hoà Bình khởi công năm 2022	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 2151/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	77.789,499	77.789,499		73.420,733	73.420,733	-
	3-Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Nhân Hoà	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4935/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	94.455	94.455		94.454,658	94.454,658	-
	4-Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Hiệp Hoà	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4934/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	123.542	123.542		123.541,536	123.541,536	-
	5-Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Lý Học	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4933/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	92.059	92.059		92.059,2592	92.059,2592	-
	6-Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Tân Hưng	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4936/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	114.177	114.177		114.176,697	114.176,697	-
	7-Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Liên Am	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4931/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	111.262	111.262		111.262,440	111.262,440	-
	8-Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Vĩnh Long	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4937/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	109.279	109.279		109.278,696	109.278,696	-
	9-Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã NTM kiểu mẫu tại xã Vĩnh Phong	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 4932/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	108.617	108.617		108.617,427	108.617,427	-
	10,Dự án xây dựng trạm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại xã Nhân Hoà	2022-2023	Ban QLDA ĐTXD huyện	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 14/11/2022	7.719	7.719		200	200	-
3	Vốn NTM của 7 xã còn dư sau khi điều chỉnh theo giá trị quyết toán							-	-	-
4	Vốn các dự án NTM của 9 xã triển khai năm 2022 chưa phân bổ							-	-	-
5	Vốn các dự án NTM của 9 xã triển khai năm 2022 không giải ngân, điều chỉnh giảm hoàn trả NSTP							32.973,941	32.973,941	-
6	Năm 2023: 08 xã (Đồng Minh, Vĩnh Tiến, Tam Cường, Vĩnh An, Hùng Tiến, Tiên Phong, Thắng Thủy, Cao Minh)	2023			959.277	959.277	-	934.273,724	934.273,724	-
	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thắng Thủy	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 01/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	114.750	114.750		112.749,531	112.749,531	-
	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hùng Tiến	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 06/NQ-HĐND ngày 12/6/2024	128.750	128.750		126.749,477	126.749,477	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vĩnh An	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 03/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	115.127	115.127		111.125,361	111.125,361	-
	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Đồng Minh	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	114.750	114.750		112.749,988	112.749,988	-
	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Tiền Phong	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 12/6/2024	118.450	118.450		116.450,209	116.450,209	-
	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cao Minh	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 12/6/2024	122.750	122.750		120.749,696	120.749,696	-
	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Tam Cường	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 09/NQ-HĐND ngày 12/6/2024	129.750	129.750		122.749,363	122.749,363	-
	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vĩnh Tiến	2023-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	114.950	114.950		110.950,099	110.950,099	-
7	Năm 2024-2025: 11 xã (Việt Tiến, Thanh Lương, Hưng Nhân, Giang Biên, Vĩnh Quang, Trung Lập, An Hòa, Cộng Hiền, Trần Dương, Dũng Tiến, Cổ Am)	2024-2025			1.265.000	1.265.000	-	1.088.699	1.088.699	-
1	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4465/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	53.000	53.000	-	45.351	45.351	-
2	Công trình xây dựng trường Mầm non thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	5704/QĐ-UBND ngày 5/11/2024	1.879	1.879	-	6.198	6.198	-
3	Dự án xây dựng công trình trường Tiểu học thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Giang Biên	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 12/6/2024	61.121	61.121	-	10	35.010	35.000
4	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Dũng Tiến	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4464/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	96.987	96.987	-	91.203	85.203	(6.000)
5	Dự án xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Dũng Tiến	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 21/NQ-HĐND ngày 12/6/2025	24.013	24.013	-	20.547	20.547	-
6	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Việt Tiến	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4786/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	88.406	88.406	-	75.652	78.652	3.000
7	Dự án Xây dựng các trường học (mầm non, tiêu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Việt Tiến	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 24/NQ-HĐND ngày 12/6/2025	28.094	28.094	-	24.029	24.029	-
8	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trung Lập	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4466/QĐ-UBND ngày 9/8/2024	101.040	101.040	-	86.462	87.462	1.000
9	Công trình xây dựng các trường học (tiểu học, THCS) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trung Lập	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	5892/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	14.960	14.960	-	12.797	12.797	-

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ - HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng/giảm
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSH				
10	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Hưng Nhân	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4468/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	95.900	95.900	-	82.065	84.065	2.000
11	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã An Hòa	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4467/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	112.000	112.000	-	94.529	97.529	3.000
12	Công trình Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã An Hòa	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	5703/QĐ-UBND ngày 5/11/2024	7.000	7.000	-	6.996	6.996	-
13	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thanh Lương	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4788/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	102.566	102.566	-	95.770	91.770	(4.000)
14	Công trình Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Thanh Lương	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	5701/QĐ-UBND ngày 5/11/2024	14.734	14.734	-	12.608	12.608	-
15	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vinh Quang	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4787/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	98.887	98.887	-	92.619	84.619	(8.000)
16	Dự án Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Vinh Quang	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	117/QĐ-BQL ngày 13/06/2024	16.613	16.613	-	14.218	14.218	-
17	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cộng Hiền	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4469/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	118.500	118.500	-	111.402	104.402	(7.000)
18	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cổ Am	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4784/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	93.741	93.741	-	89.627	77.627	(12.000)
19	Công trình Xây dựng các trường học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Cổ Am	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	5705/QĐ-UBND ngày 5/11/2024	10.059	10.059	-	10.059	10.059	-
20	Dự án xây dựng các công trình thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trần Dương	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	4785/QĐ-UBND ngày 10/9/2024	117.810	117.810	-	110.813	103.813	(7.000)
21	Công trình Xây dựng các trường học (tiểu học,THCS) thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tại xã Trần Dương	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	7397/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	7.690	7.690	-	5.744	5.744	-
II	HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO						-	20.000,0	20.000,0	-
1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo đường 17B huyện Vĩnh Bảo (đoạn từ Km 1+220 đến Km 3+640)	2024-2026	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 53/NQ-HĐND ngày 16/10/2024	35.500,000	35.500		20.000	20.000	-

PHỤ LỤC III. DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐỀ XUẤT DỪNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ - HĐND ngày 28/5/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Bảo)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Lũy kế vốn đã giải ngân đến 31/01/2025	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ -HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng (Giảm)	Ghi chú
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số	Trong đó: NSH						
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7=6-5	8
	TỔNG CỘNG				221.323,013	221.323,013	140,000	1.020,000	47.299,013	1.020,000	(46.279,013)	
I	Các dự án, công trình đã quyết định chủ trương đầu tư, đã quyết định đầu tư											
1	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Hà Phương, xã Thắng Thủy, huyện Vĩnh Bảo	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 1026 ngày 12/3/2021	3.606,315	3.606,315	50	92,0	3.556,315	92,000	(3.464)	Điều 37, Luật Đầu tư công 2024; Khoản 2, Điều 15, NĐ 85/2025
2	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Nghĩa Lý, xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo	2021-2023	Trung tâm phát triển quỹ đất	QĐ số 1025 ngày 12/3/2021	5.248,698	5.248,698	90	125,0	5.158,698	125,000	(5.034)	
3	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Thái Hoà, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo	2021-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 1015/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	1.471,0	1.471,0		-	1.471,0	-	(1.471)	
4	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Từ Lâm 2, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo	2021-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	Số 1016/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	2.468,0	2.468,0		-	2.468,0	-	(2.468)	
5	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 3, xã Lý Học	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	1.310	1.310		73,0	1.310	73,000	(1.237)	
6	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 1, xã Lý Học	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	12.050	12.050		277,0	12.050	277,0	(11.773)	
7	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn 7, xã Cao Minh	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 25/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	720	720		54,0	720	54,0	(666)	
8	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Tạ 1 và thôn Phương Tường, xã Hùng Tiến	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	9.240	9.240		186,0	9.240	186,0	(9.054)	

TT	Danh mục dự án	Năm thực hiện	Chủ đầu tư	NQ, QĐ phê duyệt/ QĐ phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Lũy kế vốn đã giải ngân đến 31/01/2025	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung lần 10 (số 24/NQ -HĐND ngày 25/3/2025)	Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung kỳ này	Tăng (Giảm)	Ghi chú
				Số văn bản	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số	Trong đó: NSH						
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7=6-5	8
9	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại Cụm 7, thôn Gia Phong, xã Tân Hưng	2022-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 31/NQ-HĐND ngày 04/5/2023	1.250	1.250		63,0	1.250	63,0	(1.187)	
10	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Nam Hà xã Tân Liên	2023-2025	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 11/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	6.815	6.815		100,0	6.815	100,0	(6.715)	
11	Dự án chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại thôn Bắc Tạ, xã Hùng Tiến	2023-2024	Trung tâm phát triển quỹ đất	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 15/3/2023	1.660	1.660		50,0	1.660	50,0	(1.610)	
II	Các dự án, công trình đã quyết định chủ trương đầu tư, chưa quyết định đầu tư											
12	Xây dựng nghĩa trang nhân dân tại xứ đồng Con Nhạn thôn Nhân Mục, xã Nhân Hòa	2024-2026	UBND xã Nhân Hoà	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 30/8/2023	10.500	10.500			-	-	-	Điều 37, Luật Đầu tư công 2024; Khoản 1, Điều 15, ND 85/2025
13	Cải tạo, nâng cấp Bộ phận Một cửa tại trụ sở UBND thị trấn và trụ sở UBND các xã sau sáp nhập trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo	2024-2025	Trung tâm PTQĐ và QLDA	NQ số 74/NQ - HĐND ngày 17/12/2024	7.100,000	7.100			1.600	-	(1.600)	
14	Dự án Khu dân cư nông thôn Nhân Mục (giáp khu tái định cư)	2025-2027	Trung tâm PTQĐ và QLDA	Số 65/NQ-HĐND ngày 12/11/2024	157.884	157.884			-	-	-	